

Quyết định giám đốc thẩm

Số: **08/2022/KDTM-GĐT**

Ngày: 23-6-2022

Về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền
sử dụng đất của bên thứ ba vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- **Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:**
Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự – Thẩm phán;
Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm và ông Lê Phước Thanh.
- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thoa – Thư ký Tòa án.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba vô hiệu*”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng; trụ sở: Số 02 Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn Th - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th. Địa chỉ: Số 186 Nguyễn Lương B, xã Hòa Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ: Liên gia 3, tổ dân phố 10, phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1979; địa chỉ: Buôn ĐliêYa B, xã ĐliêYa,

huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập:* ông Lê Văn Hư, sinh năm 1967 và ông Lê Văn Ph, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Liên gia 3, tổ dân phố 10, phường Tân Hòa, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng Công chứng Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 38 Ngõ Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Văn Ch - Chức vụ: Trưởng Văn phòng Công chứng Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Xuân B, sinh năm 1986.

2. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1979;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn P, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Liên gia 3, tổ dân phố 10, phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Cụ Lê Văn Th và cụ Võ Thị C (*đều đã chết*);

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Võ Thị C và cụ Lê Văn Th (đã chết): ông Lê Văn H, sinh năm 1969; ông Lê Văn Hư, sinh năm 1967 và ông Lê Văn P, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Liên gia 3, tổ dân phố 10, phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 13/11/2012 ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M có vay vốn tại Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th (tên cũ: Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hòa Th - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đắk Lắk) theo hợp đồng tín dụng số 274/212/HĐTD với số tiền là 1.600.000.000đ; Thời hạn vay 12 tháng, nợ vay đã được cơ cấu nợ có ngày đến hạn cuối cùng 11/11/2014; Lãi suất cho vay tại thời điểm vay vốn 15%/năm; Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh tạp hoá. Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của khoản vay, cụ Lê Văn Th và cụ Võ Thị C đã thế chấp tài sản cho ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M vay vốn, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 240739093 ngày 27/10/2011 được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ, được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 28/10/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B). Đến ngày 13/11/2012, các bên đã ký kết tiếp Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/PLHĐ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 1.532,3m², thửa đất số 12, tờ bản đồ số 3 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường Tân Hòa

thành phố B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208 do UBND thành phố B cấp ngày 28/02/2006 mang tên hộ Lê Văn Th, vợ Võ Thị C.

Trong thời gian vay vốn, để hỗ trợ phần nào khó khăn tài chính và tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng có điều kiện thanh toán nợ vay đúng hạn, Ngân hàng đã chủ động điều chỉnh giảm lãi suất tiền vay như sau: Từ ngày 13/05/2013 lãi suất cho vay đã được điều chỉnh giảm xuống còn 13%/năm. Đến hạn trả nợ Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H, bà M vẫn không trả nợ vay theo cam kết của hợp đồng. Ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M đã vi phạm thời hạn trả nợ, chưa trả tiền gốc và mới thanh toán được cho ngân hàng 35.000.000 đồng tiền lãi. Tính đến hết ngày 31/7/2020 ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M còn nợ số tiền 3.612.555.556đ, trong đó tiền gốc là 1.600.000.000đ, tiền lãi tính đến hết ngày 31/7/2020 là 2.012.555.556đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M trả nợ vay cho ngân hàng số tiền 3.612.555.556đ. Trong đó tiền gốc là 1.600.000.000đ, tiền lãi tính đến hết ngày 31/7/2020 là 2.012.555.556đ. Yêu cầu tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/8/2020 đến khi ông H, bà M trả hết nợ cho ngân hàng.

Trường hợp ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ.

- Ý kiến đối với nội dung đơn yêu cầu độc lập của ông Lê Văn Ph và ông Lê Văn Hư về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba vô hiệu”.

Căn cứ trích lục hồ sơ đất đai theo công văn số 310/CNBMT-TTLT ngày 28/03/2017 của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B tỉnh Đắk Lắk; Quyền sử dụng đất diện tích 1.532,3m², thửa đất số 12, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại phường Tân Hòa thành phố B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208 do UBND thành phố B cấp ngày 28/02/2006, có nguồn gốc do ông Lê Văn Th tự khai phá từ năm 1978. Tại thời điểm năm 1978 ông Lê Văn Ph mới chỉ 4 tuổi (sinh năm 1973), ông Lê Văn Hư chỉ mới 11 tuổi (sinh năm 1967), ông Ph và ông Hư đang còn rất nhỏ và sống phụ thuộc vào bố mẹ, không có công sức tạo lập về lô đất. Như vậy, lô đất này chỉ do ông Lê Văn Th và vợ là bà Võ Thị C tạo lập nên. Ngày 13/04/2001 ông Lê Văn Hư đã tách khẩu, sau đó đã ra ở riêng (tại Biên bản xác nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở ổn định sử dụng, không tranh chấp do ông Th lập ngày 06/09/2005 thì ông Lê Văn Hư đã là hộ sống giáp ranh và ký xác nhận là nhân chứng). Tại thời điểm ông Th xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất thì ông Hư đã sống riêng tại lô đất khác và có hộ khẩu riêng. Mặt khác, trên toàn bộ hồ sơ xin cấp và phê duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất và cụ thể trên Đơn xin cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất do ông Th lập ngày 06/09/2005 thì ông Th cũng chỉ xin cấp cho cá nhân ông, chứ không hề cấp cho hộ gia đình.

Do vậy, ông Lê Văn Ph và ông Lê Văn Hư yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba vô hiệu đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 240739093 ngày 27/10/2011 là không đúng với quy định của pháp luật nên đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn Hư và ông Lê Văn Ph.

- Quá trình tham gia tố tụng bị đơn; đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Võ Thị C và cụ Lê Văn Th thì ông Lê Văn H trình bày:

Vào ngày 13/11/2012 vợ chồng ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M có vay của Ngân hàng, chi nhánh Hòa Th tại Hợp đồng tín dụng số 274/212/HĐTD với số tiền là 1.600.000.000 đồng, mục đích vay vốn là để kinh doanh tạp hóa và mua xe ô tô, lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn vay 12 tháng hạn trả ngày 11/11/2013. Trong thời gian kinh doanh, do gặp nhiều khó khăn nên chưa trả được số tiền gốc, mới chỉ trả được 35.000.000 đồng tiền lãi. Tính đến hết ngày 31/7/2020 ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M còn nợ Ngân hàng số tiền 3.612.555.556đ, trong đó tiền gốc là 1.600.000.000đ, tiền lãi tính đến hết ngày 31/7/2020 là 2.012.555.556đ.

Về tài sản thế chấp để vay ngân hàng: Quyền sử dụng đất diện tích 1.532,3m², thửa đất số 12, tờ bản đồ số 3 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường Tân Hòa thành phố B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208 do UBND thành phố B cấp ngày 28/02/2006 mang tên hộ Lê Văn Th, cụ Võ Thị C là tài sản chung của hộ gia đình trong đó có anh của ông là Lê Văn Hư và em là Lê Văn Ph nhưng bố mẹ ông Lê Văn H đem tài sản thế chấp không thông qua ý kiến của hai người này.

Vào năm 2001 thì ông Ph cưới vợ là bà Nguyễn Thị Ph1, sau khi cưới vợ thì cụ Th, cụ C có cho vợ chồng ông Ph mảnh đất để xây nhà ở, cụ thế chiều rộng là 11.5m, chiều dài hết đất là 68m trong tổng số 1.532,3m², thửa đất số 12, tờ bản đồ số 3 nêu trên, vợ chồng ông Ph xây nhà, làm hàng rào và trồng hàng cây để làm ranh giới, đồng thời sinh sống từ đó đến nay. Khi cho đất thì ông Th, bà C chưa làm thủ tục tách thửa riêng cho vợ chồng ông Ph.

Về nguồn gốc đất là do ông Th và bà C khai hoang vào năm 1978. Đến ngày 27/10/2011 ông Th, bà C thế chấp toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/02/2006 mang tên hộ Lê Văn Th, vợ Võ Thị C để bảo đảm cho khoản vay của vợ chồng ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M với số tiền là 1.600.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 274/212/HĐTD ngày 13/11/2012; Việc ông Th, bà C thế chấp toàn bộ tài sản cho Ngân hàng để vợ chồng ông H, bà M vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và không

bị ai ép buộc. Khi dùng tài sản thế chấp thì ông Th, bà C không nói cho ông H, ông Ph và bà Ph1 biết và cũng không được ký bất kỳ biên bản hay hợp đồng nào từ phía Ngân hàng.

Nay ông H, bà M đồng ý trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 1.600.000.000 đồng và tiền lãi.

Đối với yêu cầu của ông Lê Văn Hư và ông Lê Văn Ph yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông Th, bà C, ông H, bà M với Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th là vô hiệu, ông H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo yêu cầu của ông Hư, ông Ph và theo quy định của pháp luật.

- Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Vũ Thị M trình bày:

Khi làm các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng đều do một mình ông Lê Văn H đứng ra làm thủ tục và hoàn tất các thủ tục vay vốn Ngân hàng và nhận tiền tại Ngân hàng, vì lý do bà Vũ Thị M đi dạy ở xa tại Buôn ĐliêYa B, xã ĐliêYa, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk không về được. Bà Vũ Thị M không đồng ý trả nợ vì ông H không đưa tiền cho bà Vũ Thị M chi tiêu trong gia đình, bà không được sử dụng số tiền này, ông H sử dụng vào mục đích như thế nào thì bà không biết nhưng bà M có tham gia ký kết vào hợp đồng tín dụng số 274/212/HĐTD ngày 13/11/2012 số tiền là 1.600.000.000 đồng cùng với ông H, đồng thời thừa nhận chữ ký và chữ viết Vũ Thị M trong các tài liệu, giấy tờ hồ sơ vay vốn do Ngân hàng cung cấp cho Tòa án là chữ ký, chữ viết của bà Vũ Thị M.

Một mình ông H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, trường hợp không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp của cụ Lê Văn Th và cụ Võ Thị C theo hợp đồng đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Võ Thị C và cụ Lê Văn Th là ông Lê Văn Ph, ông Lê Văn Hư (kể cả bà Nguyễn Thị Ph1 là vợ ông Ph) trình bày:

Gia đình các ông gồm bố Lê Văn Th (chết vào ngày 03/9/2019) và mẹ Võ Thị C (chết vào ngày 23/7/2018) có ba người con là ông Lê Văn Hư, ông Lê Văn H và Lê Văn Ph; cụ Võ Thị C và cụ Lê Văn Th có bố mẹ đẻ tên gì thì các ông không nhớ, tất cả đều đã chết, chết thời gian nào cũng không rõ. Cụ C, cụ Th không có mẹ nuôi, cha nuôi, con nuôi. Ngày 27/10/2011 cụ Th, cụ C có thể chấp toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/02/2006 mang tên hộ Lê Văn Th, Võ Thị C để bảo đảm cho khoản vay của vợ chồng ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M với số tiền là 1.600.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 274/212/HĐTD ngày 13/11/2012; Việc cụ Th, cụ C thế chấp toàn bộ tài sản cho Ngân hàng để vợ chồng ông H, bà M vay vốn thì

ông H, ông Ph, bà Ph1 hoàn toàn không biết và cũng không được ký bất kỳ biên bản hay hợp đồng nào từ phía Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th. Đến khi ông H, bà M không trả được nợ, Ngân hàng khởi kiện và khi cơ quan thi hành án dân sự đến kê biên tài sản thì các ông, bà mới biết. Nay Ngân hàng khởi kiện thì vợ chồng ông H, bà M phải có trách nhiệm trả khoản nợ 1.600.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định.

Đối với tài sản thế chấp thì ông Hư, ông Ph, bà Ph1 không đồng ý, vì khi bố mẹ là cụ Th, cụ C đã đem toàn bộ tài sản của hộ gia đình đi thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông H, bà M thì ông H, ông Ph, bà Ph1 không được biết là ảnh hưởng đến quyền lợi của họ vì đây là tài sản chung của hộ gia đình.

Ngoài ra trên lô đất của hộ gia đình nói trên, vào năm 2001 thì ông Ph cưới vợ là bà Nguyễn Thị Ph1, sau khi cưới vợ thì cụ Th, cụ C có cho vợ chồng ông Ph mảnh đất để xây nhà ở, cụ thể chiều rộng là 11.5m, chiều dài hết đất là 68m (khoảng 782m²) trong tổng số 1.532,3m², thửa đất số 12, tờ bản đồ số 3 nêu trên, vợ chồng ông Ph xây nhà, làm hàng rào và trồng hàng cây để làm ranh giới, đồng thời sinh sống từ đó đến nay. Khi cho đất thì cụ Th, cụ C chưa làm thủ tục tách thửa riêng cho vợ chồng ông Ph.

Về nguồn gốc đất của hộ gia đình ông Lê Văn Hư là do bố mẹ ông Lê Văn Hư khai hoang vào năm 1978.

Do vậy, ông Ph, ông Hư (cả ý kiến của bà Ph1) làm đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa cụ Th, cụ C, ông H, bà M với Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th là vô hiệu.

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Đ là ông Phạm Xuân B trình bày:

Ngày 27/10/2011, vợ chồng cụ Lê Văn Th, cụ Võ Thị C và vợ chồng ông Lê Văn H, bà Vũ Thị M đến văn phòng Đ để yêu cầu công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba. Theo đó cụ Lê Văn Th, cụ Võ Thị C dùng tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.532,3m², địa chỉ thửa đất: phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208 Ủy ban Nhân dân Thành phố B cấp ngày 28/02/2006) thế chấp cho chi nhánh Ngân hàng tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo lãnh cho khoản vay vốn của ông Lê Văn H, bà Vũ Thị M tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Hòa Th tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng Đ đã kiểm tra đầy đủ thông tin về nhân thân của các bên và thông tin về thửa đất, đồng thời với việc kiểm tra thông tin về ngăn chặn tài sản trên mạng nội bộ của văn phòng, Văn phòng Đ nhận thấy hồ sơ yêu cầu công chứng của các bên đã đầy đủ, hợp lệ, không bị

ngăn chặn về tài sản. Vì Hợp đồng thế chấp là hợp đồng mẫu soạn sẵn của Ngân hàng, do Ngân hàng đã đăng ký mẫu chữ ký và mẫu dấu tại văn phòng công chứng từ trước nên Ngân hàng đã ký tên đóng dấu trước vào hợp đồng. Văn phòng Đ đã giải thích rõ cho bên thế chấp và bên vay vốn về quyền, nghĩa vụ của mình trong hợp đồng, các bên không có ý kiến gì và đồng ý toàn bộ nội dung của hợp đồng thế chấp, trên cơ sở đó Văn phòng công chứng đã cho các bên ký vào hợp đồng thế chấp trước sự chứng kiến của công chứng viên. Tại thời điểm thế chấp, Văn phòng Đ nhận thấy các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, các bên ký hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, cả hai bên giao kết hợp đồng đều đọc, nghe được và hiểu những nội dung của hợp đồng mà văn phòng đã đọc và giải thích. Do vậy, văn phòng Đ đã thực hiện việc công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 240739093 ngày 27/10/2011 (số hợp đồng công chứng 7928A, quyển số 01CC-SCC/HĐGD ngày 27/10/2011).

Văn phòng Đ khẳng định rằng việc Văn phòng Đ công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba nêu trên là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật và tuân thủ đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về công chứng hợp đồng.

Do đó, đối với yêu cầu của ông Lê Văn Hư và ông Lê Văn Ph đề nghị tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba vô hiệu thì văn phòng Đ không đồng ý.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 31/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng.

Buộc ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng số tiền 3.612.555.556đ (*Ba tỷ, sáu trăm mười hai triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng*). Trong đó tiền gốc là 1.600.000.000đ, tiền lãi tính đến hết ngày 31/7/2020 là 2.012.555.556đ.

Kể từ ngày 01/8/2020 ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lê Văn Hư và ông Lê Văn Ph.

Tuyên bố: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 240739093 ngày 27/10/2011; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/PLHĐ ngày 13/11/2012 giữa bên thế chấp ông Lê Văn Th, bà Võ Thị C; bên nhận thế chấp Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Hòa Th; bên vay vốn ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M là vô hiệu.

Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn Th và bà Võ Thị C là các ông Lê Văn H; ông Lê Văn Hư, ông Lê Văn Ph 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/02/2006 mang tên hộ Lê Văn Th, vợ Võ Thị C.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2020, Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th kháng cáo: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/02/2006 mang tên hộ Lê Văn Th, vợ Võ Thị C để Ngân hàng thu hồi nợ của ông Lê Văn H, bà Vũ Thị M; bác đơn yêu cầu độc lập của ông Lê Văn Hư và ông Lê Văn Ph.

Ngày 21/8/2020, Văn phòng công chứng Đ kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu độc lập ông Lê Văn Hư, ông Lê Văn Ph, đồng thời công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã nêu ở trên có hiệu lực pháp luật.

- *Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 16/2020/KDTM-PT ngày 30/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th;
- Chấp nhận một phần kháng cáo của Văn phòng Công chứng Đ;
- Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2020/KDTM-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng các Điều 106, 108, khoản 2 Điều 109, Điều 122, 127, 137, 410, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Khoản 29 Điều 3, Điều 179 Luật Đất đai; Khoản 2 Điều 7; Điều 52 Luật Công chứng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng -

Chi nhánh Hòa Th Đắk Lắk.

Buộc ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th Đắk Lắk số tiền 3.612.555.556 đồng (*Ba tỷ, sáu trăm mười hai triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó tiền gốc là 1.600.000.000 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 31/7/2020 là 2.012.555.556 đồng.

Kể từ ngày 01/8/2020 ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th Đắk Lắk về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ.

Chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Hư và ông Lê Văn Ph.

Tuyên bố: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 240739093 ngày 27/10/2011 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/PLHĐ ngày 13/11/2012 giữa bên thế chấp cụ Lê Văn Th, cụ Võ Thị C, bên nhận thế chấp Chi nhánh Ngân hàng (nay là Chi nhánh Hòa Th Đắk Lắk), bên vay vốn ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M là vô hiệu.

3. Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th có trách nhiệm trả lại cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Văn Th và cụ Võ Thị C là các ông Lê Văn H, ông Lê Văn Hư, ông Lê Văn Ph 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/02/2006 mang tên hộ Lê Văn Th, vợ Võ Thị C.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí phúc thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 21/6/2021, nguyên đơn là Ngân hàng có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

Ngày 14/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Báo cáo số 1002/BC-VKS-P10 đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 28/QĐ-VKS-KDTM ngày 23/3/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 16/2020/KDTM-PT ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề

ng nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng sửa một phần Bản án phúc thẩm số 16/2020/KDTM-PT ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th Đắk Lắk.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Văn H, bà Vũ Thị M ký Hợp đồng tín dụng số 274/212/HĐTD ngày 13/11/2012 với Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th Đắk Lắk (sau đây gọi là Ngân hàng) vay số tiền 1.600.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định của hợp đồng tín dụng, vi phạm Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 3.612.555.556 đồng, trong đó tiền gốc là 1.600.000.000 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 31/7/2020 là 2.012.555.556 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày ngày 01/8/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về hiệu lực của Hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay 1.600.000.000 đồng của vợ chồng ông H, bà M, vợ chồng cụ Lê Văn Th, cụ Võ Thị C (bố mẹ của ông H) thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.532.3m², địa chỉ thửa đất tại phường Tân Hòa, thành phố B, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/02/2006 mang tên hộ Lê Văn Th, vợ Võ Thị C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 240739093 ngày 27/10/2011 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/PLHĐ ngày 13/11/2012.

[3] Xét thấy: Tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 28/3/2006 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 09 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại thành phố B; tại trang 02 của Quyết định thể hiện nội dung họ và tên chủ sử dụng: Lê Văn Th.

[4] Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208 ngày 28/02/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho hộ Lê Văn Th, vợ Võ Thị C.

[5] Theo biên bản làm việc với UBND thành phố B ngày 19/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tiến hành thu thập hồ sơ (gốc) tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B đối với việc cấp Giấy CNQSDĐ cấp cho hộ ông Lê Văn Th và

các trường hợp được cấp cùng đợt (theo Quyết định số 191 ngày 28/3/2006 nêu trên) thì thấy đều được cấp Giấy CNQSDĐ cho “hộ”. Trong đó, bao gồm cả những trường hợp nhận chuyển nhượng, tặng cho, khai hoang. Trong khi, khi làm hồ sơ xin cấp giấy họ kê khai, xác lập, đăng ký và xin cấp giấy chứng nhận đều với tư cách cá nhân hoặc vợ, chồng.

[6] Tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/9/2005 do cụ Th kê khai thể hiện về nguồn gốc đất tự khai hoang năm 1978 và chỉ xin cấp cho người sử dụng đất là ông Th, chứ không xin cấp đất cho hộ.

[7] Tại thời điểm năm 1978, các người con của ông Th còn nhỏ (ông Lê Văn Ph sinh năm 1973 mới 5 tuổi, ông Lê Văn Hư sinh năm 1967 mới 11 tuổi, ông Lê Văn H sinh năm 1969 mới 9 tuổi) sống phụ thuộc vào bố mẹ, không có công sức tạo lập về lô đất.

[8] Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất trên là tài sản do cụ Th và cụ C tạo lập nên từ năm 1978. Việc Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006 ghi tên hộ là không chính xác. Tài sản là quyền sử dụng đất của cụ Th, cụ C tạo lập nên hai cụ có quyền thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ bảo lãnh cho ông H, bà M mà không cần có ý kiến đồng ý của ông Hư, ông Ph.

[9] Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2028 tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội Công an thành phố B thể hiện ngày 13/04/2001 ông Lê Văn Hư đã tách khẩu, ra ở riêng. Tại Biên bản xác nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở ổn định sử dụng, không tranh chấp do cụ Th lập ngày 06/09/2005, ông Lê Văn Hư là hộ sống giáp ranh và ký xác nhận. Do đó, tại thời điểm cụ Th có Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Hư đã sống riêng tại thửa đất khác và có hộ khẩu riêng, không phải là người trong hộ gia đình cụ Th nên không có quyền đối với tài sản thế chấp nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Hư tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba vô hiệu là không có căn cứ.

[10] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 240739093 ngày 27/10/2011 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/PLHĐ ngày 13/11/2012 giữa bên thế chấp cụ Lê Văn Th, cụ Võ Thị C với bên nhận thế chấp Chi nhánh Ngân hàng (nay là Chi nhánh Hòa Th Đắk Lắk), bên vay vốn ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M vô hiệu là không đúng, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

[11] Trên phần đất thế chấp có 03 căn nhà, trong đó có 01 căn nhà 2 tầng do vợ chồng ông Ph xây dựng (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là căn nhà số 3, bút lục 379-391); do đó, khi xử lý tài sản thế chấp trong quá trình thi hành án,

cần áp dụng khoản 2 Điều 325 Bộ luật Dân sự 2015 để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông Ph đối với phần tài sản trên đất.

[12] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử giám đốc thẩm sửa bản án phúc thẩm nên Ngân hàng và Văn phòng Công chứng Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[13] Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 28/QĐ-VKS-KDTM ngày 23/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 343 và Điều 347 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 28/QĐ-VKS-KDTM ngày 23/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 16/2020/KDTM-PT ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần tài sản thế chấp.

Áp dụng khoản Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; khoản 2 Điều 325 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng.

Buộc ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th Đắk Lắk số tiền 3.612.555.556 đồng (*Ba tỷ, sáu trăm mười hai triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó tiền gốc là 1.600.000.000 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 31/7/2020 là 2.012.555.556 đồng.

Kể từ ngày 01/8/2020, ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M thanh toán hết các khoản nợ thì Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th Đắk Lắk có trách nhiệm trả lại cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Văn Th và cụ Võ Thị C là các ông Lê Văn H, ông Lê Văn Hư, ông Lê Văn Ph 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số AĐ 882208 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/02/2006 mang tên hộ Lê Văn Th, vợ Võ Thị C.

Trường hợp ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nói trên thì Ngân hàng - Chi nhánh Hòa Th Đắc Lắc có quyền yêu cầu quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 240739093 ngày 27/10/2011 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/PLHĐ ngày 13/11/2012 giữa bên thế chấp cụ Lê Văn Th, cụ Võ Thị C, bên nhận thế chấp Chi nhánh Ngân hàng (nay là Chi nhánh Hòa Th Đắc Lắc), bên vay vốn ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M (đối với quyền sử dụng thửa đất số 12, tờ bản đồ 3, diện tích đất 1.532,3m², tại phường Tân Hòa, thành phố B, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 882208 do UBND thành phố B cấp ngày 28/02/2006) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với phần tài sản trên đất là 01 căn nhà 2 tầng của gia đình ông Lê Văn Ph được xử lý theo khoản 2 Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Hư và ông Lê Văn Ph về việc tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 240739093 ngày 27/10/2011 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/PLHĐ ngày 13/11/2012 vô hiệu.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M phải nộp 1.500.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng được nhận lại 1.500.000đ tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ sau khi Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắc Lắc thu được của ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M phải chịu 104.251.000đ.
- Ông Lê Văn Hư phải chịu số tiền 300.000đồng.
- Ông Lê Văn Ph phải chịu số tiền 300.000đồng.
- Hoàn trả Ngân hàng số tiền 49.667.000đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0008442 ngày 22/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắc Lắc. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắc Lắc đã hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 49.367.000đồng, nên Ngân hàng tiếp tục được hoàn trả lại số tiền 300.000đồng.

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 4.000.000đ; bao gồm 2.000.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0008200 ngày 02/10/2018 và 2.000.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0012666 ngày

19/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Hoàn trả lại cho Văn phòng Công chứng Đ số tiền 600.000đ tạm ứng án phí đã nộp; bao gồm 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0008170 ngày 27/9/2018 và 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0012737 ngày 25/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk *(đã thi hành xong)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thanh Liêm

Lê Phước Thanh

Lê Tự

